

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 54/Daesang/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Chi nhánh Công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương
Địa chỉ: Lô 10.1 đường số 1, khu công nghiệp Cẩm Điền – Lương Điền, xã Cẩm Điền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

E-mail: daesang.rd@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 2600109933-009

Giấy chứng nhận FSSC 22000 số: VN20/00088 ngày chứng nhận 17/3/2020 do SGS United Kingdom Ltd cấp. Được gia hạn lần thứ 5, hiệu lực đến ngày 16/3/2026.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: LÁ KIM TRẺ EM

2. Thành phần: Dầu ngô, dầu mè, rong biển Hàn Quốc (47,2%), muối biển Hàn Quốc, hương liệu tự nhiên (hương thảo).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

Thời hạn sử dụng: 12 tháng

+ Hạn sử dụng (HSD): được in trên bao bì của sản phẩm (ngày/tháng/năm)

+ Ngày sản xuất (NSX): được in trên bao bì của sản phẩm (ngày/tháng/năm)

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Bao bì: phù hợp an toàn thực phẩm theo quy định bộ Y tế.

+ Chất liệu bao bì bên trong: PET/PE/AL/CCP hoặc các bao bì khác phù hợp quy định an toàn thực phẩm bộ Y tế.

+ Bao bì trung gian: OPP/CCP.

+ Bao bì ngoài: hộp carton.

- Quy cách bao gói: 2 g; 4 g; 4,5 g; 5 g; 8 g; 9 g; 10 g (2 gói x 5 g); 12 g (3 gói x 4 g); 13,5 g (3 gói x 4,5 g); 15 g (3 gói x 5 g); 45 g; 60 g; 75 g; 80 g;...tùy theo nhu cầu khách hàng.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM

Địa chỉ: Phố Sông Thao, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam



Sản xuất tại: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM TẠI HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Lô 10.1 đường số 1, khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, xã Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Xuất xứ: Việt Nam

III. Mẫu nhãn sản phẩm (*đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến*)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Tiêu chuẩn cơ sở số: TCCS 54:2006/DAESANG

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hải Phòng, ngày 06 tháng 03 năm 2026

Chi nhánh Công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương



Park Jung Il





**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM
TẠI HẢI DƯƠNG**

TCCS 54:2026/DAESANG

Lần ban hành: 01

Lần sửa đổi: 00


LÁ KIM TRẺ EM

HẢI PHÒNG - 2026



TCCS 54:2026/DAESANG

LÁ KIM TRẺ EM

Nội dung	Biên soạn	Soát xét
Họ và tên:	Hoàng Hải Yến	Nguyễn Thị Thu Thương
Chức danh:	Nhân viên R&D	Đội trưởng R&D
Chữ ký:		

Hải Phòng, ngày 06 tháng 03 năm 2026

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP



Park Jung II

Lời nói đầu

Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 54:2026/DAESANG do Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương phê duyệt ban hành theo Quyết định số 54/2026/QĐ-DAESANG.

Trong quá trình áp dụng, Tiêu chuẩn này có thể được sửa đổi, bổ sung, thu hồi, huỷ bỏ cho phù hợp với thực tế và quy định của Pháp luật.

Việc sửa đổi, bổ sung, thu hồi, huỷ bỏ phải tuân thủ quy định về kiểm soát tài liệu của Chi nhánh Công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương.

1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định áp dụng cho sản phẩm **Lá kim trẻ em** do Chi nhánh Công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương sản xuất và kinh doanh.

2. Tài liệu viện dẫn:

Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về *Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa*

3. Yêu cầu kỹ thuật

3.1 Yêu cầu cảm quan:

Các yêu cầu cảm quan đối với sản phẩm được quy định trong Bảng 1.

Bảng 1 – Yêu cầu cảm quan

Chỉ tiêu	Yêu cầu
1. Trạng thái	Rong biển ép thành bản mỏng, đã qua chế biến, được tẩm dầu và gia vị
2. Màu sắc	Màu xanh đen đặc trưng của sản phẩm
3. Mùi vị	Mùi, vị đặc trưng của sản phẩm

3.2 Yêu cầu về lý - hóa

Các yêu cầu về lý - hóa đối với sản phẩm **Lá kim trẻ em** được quy định trong Bảng 2.

Bảng 2 – Yêu cầu về lý - hóa

Tên chỉ tiêu	Mức
1. Độ ẩm, %, không lớn hơn	5,0
2. Muối, %, không lớn hơn	8,0

3.3 Chỉ tiêu dinh dưỡng

Các chỉ tiêu dinh dưỡng đối với sản phẩm **Lá kim trẻ em** được quy định trong Bảng 3.

Bảng 3 – Yêu cầu về chỉ tiêu dinh dưỡng

Tên chỉ tiêu	Mức
1. Năng lượng, kcal/100g	Từ 447,2 đến 670,8
2. Carbohydrat, g/100g, không lớn hơn	3,0
3. Chất béo, g/100g	Từ 38,9 đến 58,3
4. Chất đạm, g/100g	Từ 19,8 đến 29,8
5. Natri, mg/100g, không lớn hơn	1500,0
6. Chất béo bão hòa, g/100g, không lớn hơn	9,0

4 Yêu cầu về an toàn thực phẩm

4.1 Chỉ tiêu vi sinh vật

Các chỉ tiêu vi sinh vật đối với sản phẩm **Lá kim trẻ em** được quy định trong Bảng 4.

Bảng 4 – Yêu cầu về vi sinh vật

Tên chỉ tiêu	Mức
1. <i>E. Coli</i> , MPN/g, không lớn hơn	3
2. <i>B.cereus</i> , CFU/g, không lớn hơn	10 ²
3. <i>Coliforms</i> , CFU/g, không lớn hơn	10 ²
4. <i>Cl.perfringens</i> , CFU/g, không lớn hơn	10

4.2 Chỉ tiêu độc tố vi nấm

Các chỉ tiêu độc tố vi nấm đối với sản phẩm **Lá kim trẻ em** được quy định trong Bảng 5.

Bảng 5 – Chỉ tiêu độc tố vi nấm

Tên chỉ tiêu	Mức
1. Aflatoxin B1, µg/kg, không lớn hơn	5,0
2. Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2), µg/kg, không lớn hơn	15,0

4.3 Dư lượng kim loại nặng

Các chỉ tiêu kim loại nặng đối với **Lá kim trẻ em** được quy định trong Bảng 6.

Bảng 6 – Dư lượng kim loại nặng

Tên chỉ tiêu	Mức
1. Asen vô cơ (As), mg/kg, không lớn hơn	1,0
2. Chì (Pb), mg/kg, không lớn hơn	2,0

5 Bao gói, ghi nhãn, bảo quản

5.1 Bao gói

- Sản phẩm phải được đóng gói trong bao bì phù hợp an toàn thực phẩm theo quy định bộ Y tế.
- Quy cách bao gói: 4 g; 5 g; 10 g; 12 g; 15 g; 45 g; 80 g; 96 g;... tùy theo nhu cầu của khách hàng.

5.2 Ghi nhãn

- Nhãn sản phẩm **Lá kim trẻ em** được ghi trên bao bì theo quy định tại nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

5.3 Bảo quản

- Bảo quản trong bao bì kín, nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.





Lá Kim Trẻ em
Seaweed for Kids
아리요 김
인연

Khối lượng tịnh: 5g

Thành phần:
NSX, HSD, Xem trên bao bì

Tránh tiếp xúc với ánh sáng trực tiếp.

Bảo quản trong bao bì kín, nơi khô ráo, thoáng mát.

Hướng dẫn bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Chỉ nên dùng cho trẻ em.

Chú ý



Lá Kim Trẻ em
Seaweed for Kids
아리요 김
인연

Khối lượng tịnh: 5g

Thành phần:
NSX, HSD, Xem trên bao bì

Tránh tiếp xúc với ánh sáng trực tiếp.

Bảo quản trong bao bì kín, nơi khô ráo, thoáng mát.

Hướng dẫn bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Chỉ nên dùng cho trẻ em.

Chú ý

Lá Kim Trẻ em
Seaweed for Kids
아리요 김
인연

Khối lượng tịnh: 5g

Thành phần:
NSX, HSD, Xem trên bao bì

Tránh tiếp xúc với ánh sáng trực tiếp.

Bảo quản trong bao bì kín, nơi khô ráo, thoáng mát.

Hướng dẫn bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Chỉ nên dùng cho trẻ em.

Chú ý



Lá Kim Trẻ em
Seaweed for Kids
아리요 김
인연

Khối lượng tịnh: 5g

Thành phần:
NSX, HSD, Xem trên bao bì

Tránh tiếp xúc với ánh sáng trực tiếp.

Bảo quản trong bao bì kín, nơi khô ráo, thoáng mát.

Hướng dẫn bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Chỉ nên dùng cho trẻ em.

Chú ý

Lá Kim Trẻ em
Seaweed for Kids
아리요 김
인연

Khối lượng tịnh: 5g

Thành phần:
NSX, HSD, Xem trên bao bì

Tránh tiếp xúc với ánh sáng trực tiếp.

Bảo quản trong bao bì kín, nơi khô ráo, thoáng mát.

Hướng dẫn bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Chỉ nên dùng cho trẻ em.

Chú ý



Lá Kim Trẻ em
Seaweed for Kids
아리요 김
인연

Khối lượng tịnh: 5g

Thành phần:
NSX, HSD, Xem trên bao bì

Tránh tiếp xúc với ánh sáng trực tiếp.

Bảo quản trong bao bì kín, nơi khô ráo, thoáng mát.

Hướng dẫn bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Chỉ nên dùng cho trẻ em.

Chú ý

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG



1 An liên như món ăn vặt



2 An hoặc cuốn cùng cơm trắng



3 Trứng cuộn Lá Kim




SỐ 1*

RONG BIỂN BÁN CHẠY TẠI VIỆT NAM

*Vệc tính toán các thông số trên của Daesang dựa trên một phần dữ liệu được báo cáo bởi NielsenIQ trong phạm vi dịch vụ Nghiên cứu Đo Lường Bán Lẻ của ngành hàng Rong Biển trong vòng 12 tháng liên tục tính từ 03/2025 đến 02/2026, tại thị trường Việt Nam (bao gồm kênh hiện đặc, không bao gồm kênh Truyền Thống, kênh SI Lẻ, MM Mega Market Việt Nam). Bản quyền © 2025, Công ty NielsenIQ Việt Nam.



PROTEIN



CANXI



CHẤT XƠ



SẮT

Khối lượng tịnh:
15 g (3 gói x 5 g)



8 955304 2018100

QUẢ TỰI DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH TRONG 100 G	
Năng lượng:	559 kcal
Carbohydrat:	0,2 g
Chất đạm:	24,8 g
Chất béo:	48,6 g
Chất béo bão hòa:	6,9 g
Nước:	251 mg



Là Kim Trê em
Seaweed for Kids

Thành phần: Dầu ngô, dầu mè, rong biển Hàn Quốc (47,2%), muối biển Hàn Quốc, hương tự nhiên (hương thảo), An liên, cơm trắng, làm trong cuộn Lá Kim...

Bảo quản trong bao bì kín, nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

NSX, HSD: Xem trên bao bì trực tiếp của sản phẩm.

Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM

Phố Sông Thao, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Sản xuất tại: CHH NHANH CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM TẠI HẢI DƯƠNG

101, Đường 051, Khu Công nghiệp Cẩm Diên - Lương Diên, xã Cẩm Giang, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Kiểm tra kỹ lưỡng trước khi sử dụng.

Tên khách hàng: 024.3768.0563

Sản xuất theo số TCCS 54:2026/DAESANG

Không sử dụng cho người dị ứng với bất cứ thành phần nào của sản phẩm.

Sản phẩm có chứa thành phần có nguồn gốc từ hạt mè.

- Trong sản phẩm có chứa gói hút ẩm. Không được ăn gói này.





AR-25-VD-220065-01-VI / EUVNHC-00379519- Trang : 1 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM TẠI HẢI DƯƠNG**Lô 10.1 đường số 1, khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, Xã Cẩm Giàng
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : X4GD2511030048-HN-KA

Mã số mẫu : 743-2025-00213573

Mã số Eol : 005-32410-586108

Tên mẫu : Lá kim trẻ em

Tình trạng mẫu : Mẫu thành phẩm

Ngày nhận mẫu : 03/11/2025

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 24/11/2025

Thời gian thử nghiệm : 03/11/2025 - 24/11/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VW030 VW (a) <i>Escherichia coli</i>	MPN/ g	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)	Không phát hiện (LOD=0)
2	VW014 VW (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ g	ISO 15213-2:2023	Không phát hiện (LOD=10)
3	VW015 VW (a) <i>Coliforms</i>	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
4	VW025 VW (a) <i>Bacillus cereus</i>	cfu/ g	AOAC 980.31	Không phát hiện (LOD=10)
5	VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng	g/ 100 g	AOAC 991.43	19.9
6	VD165 VD (a) Chất béo	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3498	46.3
7	VD652 VD (a) Acid béo bão hòa	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-5631 (Tham khảo ISO 12966-2:2017; AOAC 996.06)	6.63
8	VD652 VD (a) Acid béo dạng trans	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-5631 (Tham khảo ISO 12966-2:2017; AOAC 996.06)	0.33
9	VD652 VD (a) Acid béo không bão hòa	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-5631 (Tham khảo ISO 12966-2:2017; AOAC 996.06)	37.4
10	VW066 VW (a) Chất đạm	g/ 100 g	TCVN 10034:2013	23.31
11	VW07W VW (a) Tro Tổng	%	N79-R-RD1-TP-9759(2022) (Tham khảo AOAC 923.03)	7.40
12	VW083 VW (a) Độ ẩm	%	N79-R-RD1-TP-9762 (2022) (Tham khảo ISO 1573:1980)	1.55
13	VD128 VD (a) Canxi (Ca)	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-3507 (Ref. AOAC 968.08)	747
14	VD279 VD (a) Natri (Na)	mg/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	993
15	VWHGN VW (a) Aflatoxin B1	µg/ kg	N79-R-RD1-TP- 9745 (2022) (Ref. ISO 16050:2003); N79-R-RD1-TP- 9745 (2022) (Ref. TCVN 7596:2007)	Không phát hiện (LOD=0.5)



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2025-00213573

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
16	VWHGN VW (a) Aflatoxin tổng	µg/ kg	N79-R-RD1-TP- 9745 (2022) (Ref. ISO 16050:2003); N79-R-RD1-TP- 9745 (2022) (Ref. TCVN 7596:2007)	Không phát hiện (LOD=0.5)
17	VDGE4 VD (a) Carbohydrat không bao gồm chất xơ	g/ 100 g	AOAC 2020.07	Không phát hiện (LOD=0.3)
18	VW07V VW (a) Muối (NaCl)	%	N79-R-RD1-TP-17839 (Tham khảo TCVN 3701:2009)	2.07
19	VWL74 VW Năng lượng (Bao gồm xơ dinh dưỡng)	kcal/ 100 g	FAO 2003 77	550
20	VW02K VW (a) Sắt (Fe)	mg/ kg	N79-R-RD1-TP-16655 (Tham khảo AOAC 2015.01)	16.9
21	VD2H8 VD (m) Arsen vô cơ (As)	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-3601 (Ref. IMEP-41)	Phát hiện vết(<0.05)
22	VW072 VW (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	0.15

Phát hiện vết: kết quả \geq LOD và $<$ LOQ.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

Ký tên

Trần Thị Mỹ Dung
Giám Đốc Chi Nhánh Miền BắcLý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 11/01/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 11/01/2026.

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sac Ky Hai Dang không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sac Ky Hai Dang và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sac Ky Hai Dang xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sac Ky Hai Dang.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.